

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO
CẨM VIÊN SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 06
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 29

0428
CÔNG
NHÌEM
THAN
CÁI
SÀI G

13389
CÔNG
TNH
ATOÁN V
KM
PHỐ H

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một Thành Viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty TNHH Một Thành Viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn (Được chuyển đổi từ Thảo Cẩm Viên Sài Gòn, GCNĐKKD số: 4106000223, cấp ngày 31/12/1997, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh)

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Thảo Cẩm Viên Sài Gòn trực thuộc Sở Giao Thông Vận Tải thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 4276/ QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2010 của chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300426374, cấp lần đầu ngày 04/12/2010; cấp đăng ký lần 04 ngày 11 tháng 03 năm 2024.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng thành viên

Bà Huỳnh Thu Thảo

Ông Huỳnh Văn Phùng

Bà Vũ Thị Hương Giang

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

(bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)

(bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)

(bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2024)

Ban Giám đốc

Bà Vũ Thị Hương Giang

Ông Phạm Anh Dũng

Ông Nguyễn Thanh Nhật

Ông Nguyễn Ngọc Sáng

Chức vụ

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

(bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2024)

(bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2017)

(bổ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2020)

(bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2024)

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý các hoạt động giải trí Thảo cẩm viên; Duy tu, bảo dưỡng chuồng trại và chăm sóc phát triển các loại thú, cây xanh trong khu vực; Tổ chức hoạt động về giáo dục bảo tồn các loài động vật, thực vật quý hiếm cho các đối tượng: học sinh, sinh viên và du khách; Nghiên cứu khoa học, phục vụ công tác chăm sóc, phát triển và nhân giống bảo tồn các loài động thực vật quý hiếm: Tư vấn, thi công, trang trí ngoại thất, tiểu cảnh, sân vườn.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn KMF được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng thành viên Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Hội đồng thành viên Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không cố những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng thành viên Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng thành viên Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025

TM. Hội đồng thành viên

Chủ tịch



Huỳnh Thu Thảo

Chủ tịch Hội đồng thành viên





Số ...08.../2025/BCKiTTC-KMF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn, được lập ngày 23 tháng 01 năm 2025, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Về xác định nghĩa vụ thuế (thuyết minh số V.12):

- a/ Theo thông báo tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp số 332661/TB-CCT-KĐT ngày 15/12/2023 của Chi cục Thuế Quận 1, xác định số tiền thuế còn phải nộp cho diện tích đất tại địa chỉ số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là 693.633.599.438 đồng, trong đó:
- Số tiền thuế và các khoản phải thu khác đến ngày 31/11/2023 là 645.519.130.438 đồng, trong đó:
 - Số tiền chậm nộp tính đến ngày 30/11/2023 là 48.114.468.654 đồng.



(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

b/ Chi cục thuế Quận 1 đã ra Quyết định cưỡng chế thuế với tổng số tiền là 612.937.549.761 đồng theo 2 quyết định cưỡng chế thuế:

- Quyết định số 38906/QĐ-CCT-CC ngày 07/11/2023 cưỡng chế bằng hình thức yêu cầu kho bạc nhà nước trích tiền từ tài khoản/ phong tỏa tài khoản số 375 1010 61413 của Công ty TNHH MTV Thảo cầm Viên Sài Gòn để thu thuế;

- Quyết định số 38907/QĐ-CCb/T-CC ngày 07/11/2023 cưỡng chế bằng hình thức yêu cầu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh TP.HCM trích tiền từ tài khoản / phong tỏa tài khoản số 1020 100000 86310 của Công Ty TNHH MTV Thảo Cầm Viên Sài Gòn để thu thuế

- Ngày 22/11/2024, Chi cục thuế Quận 1 tiếp tục ban hành các Quyết định số 18645/QĐ-CCT-KĐT; 18646/QĐ-CCT-KĐT; 18647/QĐ-CCT-KĐT và 18648/QĐ-CCT-KĐT về việc cưỡng chế quản lý thuế bằng biện pháp yêu cầu kho bạc nhà nước, ngân hàng thương mại trích tiền để thu thuế.

c/ Ngày 12/12/2024, Chi cục thuế Quận 1 ban hành các Quyết định số 36693/QĐ-CCTQ1; 36694/QĐ-CCTQ1; 36695/QĐ-CCTQ1 và 36696/QĐ-CCTQ1 về việc tạm dừng cưỡng chế đối với Người nộp thuế trong thời gian các Cơ quan có thẩm quyền đang thực hiện các thủ tục xác định lại nghĩa vụ của Người nộp thuế.

d/ Tại ngày 31/12/2024, tiền thuê đất còn phải nộp Nhà nước theo báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thảo Cầm Viên Sài Gòn là 0 đồng.

- Trong năm 2024, đơn vị chỉ ghi nhận khoản tiền thuê đất phải nộp với số tiền là 6.350.207.240 đồng (đây là khoản tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp tương ứng với diện tích đất 5.590 m² trong tổng số 158.117 m² tại địa chỉ số 02 Nguyễn Bình Khiêm, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh);

- Theo ý kiến của đơn vị, ngày 28/11/2022 Công ty TNHH MTV Thảo Cầm Viên Sài Gòn đã gửi văn bản số 378/TCV, văn bản số 67/TCV ngày 27/02/2023, văn bản số 363/TCV ngày 08/06/2023, văn bản số 912/TCV ngày 13/12/2023 báo cáo tình hình khó khăn, vướng mắc về nộp tiền thuê đất và kiến nghị xin được khoan nợ, xin đề xuất, kiến nghị các phương án xác định diện tích đất nộp tiền thuê đất hàng năm. Công ty xin đề xuất chọn phương án xác định số tiền thuê đất phải nộp hàng năm căn cứ trên diện tích đất thực tế Thảo Cầm Viên Sài Gòn sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ và đúng cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 6190/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Thảo Cầm Viên Sài Gòn, Phường Bến Nghé, Quận 1. Do đó, số tiền thuê đất phải nộp nêu trên đơn vị chỉ tính căn cứ vào diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ là 5.590m² tương ứng với đơn giá thuê đất là 1.033.363 đồng/m²/năm;

- Chính việc xác định theo ý kiến của đơn vị nêu trên có sự khác biệt và chênh lệch so với cơ quan thuế xác định nên dẫn đến việc xác định thuế phải nộp liên quan có chênh lệch quá lớn, và đơn vị có ý kiến chờ ý kiến của cơ quan chức năng có thẩm quyền quyết định (trong thời gian chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị tạm thời xác định thuế phải nộp theo cách tính đã nêu trên).

Từ các vấn đề nêu trên, trong phạm vi báo cáo này chúng tôi chỉ ghi nhận theo ý kiến của đơn vị, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm các vấn đề có liên quan đến nội dung này, và do đó tình hình tài chính của đơn vị có thể thay đổi tùy thuộc vào vấn đề đã nêu trên (các chỉ tiêu có liên quan đến vấn đề này sẽ được thay đổi cụ thể khi đơn vị thống nhất về tiền thuê đất phải nộp).

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

2. Về Phải thu khách hàng (thuyết minh số V.02)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.02, tại thời điểm 31/12/2024 tồn tại các khoản nợ phải thu khách hàng số tiền 30.772.500 đồng từ nhiều năm trước, đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa thu được tiền, chưa có thư xác nhận. Công ty chưa có phương án xử lý cũng như trích lập dự phòng đối với công nợ này. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu trích lập dự phòng thì khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi là 30.772.500 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng là 30.772.500 VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" giảm đi là 6.154.500 đồng và "Lợi nhuận sau thuế" sẽ giảm đi là 24.618.000 đồng.

3. Về hàng tồn kho (thuyết minh số V.05)

Công ty chưa thực hiện kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2024. Tại ngày lập báo cáo kiểm toán này, Ban Giám đốc đơn vị vẫn đang trong quá trình triển khai công tác kiểm kê. Do vấn đề này, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với hàng tồn kho đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến ngoại trừ nêu trên, tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý đến số dư trả trước cho người bán, chi phí xây dựng cơ bản dở dang trình bày tại thuyết minh V.04 và thuyết minh số 07 của báo cáo tài chính đính kèm được căn cứ vào số liệu của đơn vị (do phạm vi của báo cáo này chúng tôi không kiểm tra chi tiết hồ sơ liên quan đến việc hình thành, tính pháp lý của các khoản đã chi cho Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi, cụ thể như sau:

- Khoản trả trước cho người bán: 14.354.280.052 đồng. Theo ý kiến của đơn vị đây là khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án Sài Gòn Safari do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi đã chi cho các đối tượng nhưng hồ sơ chưa xong nên chưa quyết toán với Kho bạc Nhà nước (đơn vị ghi nhận theo bảng kê xác nhận khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng gửi tới đơn vị làm cơ sở ghi tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản).
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 735.079.211.308 đồng. Đơn vị ghi nhận theo số liệu của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi đã chi trả cho các đối tượng nhận tiền bồi thường và chi phí khác theo quy định, có hồ sơ quyết toán với Kho bạc gửi cho đơn vị làm cơ sở ghi tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Về quỹ lương năm 2024, Công ty đã được phê duyệt kế hoạch lao động, tiền lương cho năm 2024 theo văn bản Thông báo số 24/TB-UBND ngày 17/01/2025 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 đã được phê duyệt theo văn bản Thông báo số 311/TB-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ về báo cáo tài chính đó tại ngày 29 tháng 01 năm 2024.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF

Giám đốc

Kiểm toán viên



Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2025-243-1

A blue ink signature of Dương Nữ Huệ Phương.

Dương Nữ Huệ Phương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6834-2024-243-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 01/01/2024
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		81.969.044.270	74.921.302.842
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		61.102.014.116	63.154.243.991
1. Tiền	111	V.01	61.102.014.116	63.154.243.991
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.785.346.818	9.955.512.778
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.388.915.133	505.276.404
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	15.037.602.781	8.183.141.112
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.358.828.904	1.267.095.262
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.350.307.830	1.811.546.073
1. Hàng tồn kho	141	V.05	2.350.307.830	1.811.546.073
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		731.375.506	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	681.522.806	-
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.11a	49.852.700	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		781.727.975.723	727.974.991.158
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.344.913.166	38.472.018.309
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	37.344.913.166	38.472.018.309
Nguyên giá	222		137.101.528.304	135.274.989.928
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.756.615.138)	(96.802.971.619)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		735.079.211.308	687.599.192.432
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	735.079.211.308	687.599.192.432
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.303.851.249	1.903.780.417
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	9.303.851.249	1.903.780.417
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		863.697.019.993	802.896.294.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 01/01/2024
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		22.214.788.464	21.464.885.568
I. Nợ ngắn hạn	310		21.615.480.602	21.061.609.862
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	6.466.594.911	2.420.864.041
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.038.532.558	1.214.601.512
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	575.295.395	1.663.402.159
4. Phải trả người lao động	314	V.12	12.853.648.211	15.018.595.997
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	681.409.527	744.146.153
II. Nợ dài hạn	330		599.307.862	403.275.706
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.14	599.307.862	403.275.706
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		841.482.231.529	781.431.408.432
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	841.482.231.529	781.431.408.432
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.194.247.960	79.554.534.121
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	820.834.471
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.941.319.333	7.870.620.896
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.870.620.896	(579.023.192)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.070.698.437	8.449.644.088
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		748.346.664.236	693.185.418.944
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		863.697.019.993	802.896.294.000

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025



Nguyễn Kim Phúc
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Sáng
Kế toán trưởng




Vũ Thị Hương Giang
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2024	NĂM 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	127.984.176.799	137.005.384.484
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		127.984.176.799	137.005.384.484
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	97.387.691.390	102.870.760.655
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.596.485.409	34.134.623.829
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.406.844.356	2.806.845.191
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	24.778.250.531	21.729.179.481
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.225.079.234	15.212.289.539
11. Thu nhập khác	31	VI.05	139.153.490	(1.625.568.890)
12. Chi phí khác	32	VI.06	1.025.859.677	2.938.695.273
13. Lợi nhuận khác	40		(886.706.187)	(4.564.264.163)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.338.373.047	10.648.025.376
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.267.674.610	2.198.381.288
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.070.698.437	8.449.644.088

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025



Nguyễn Kim Phúc
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Sáng
Kế toán trưởng



Vũ Thị Hương Giang
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM 2024	NĂM 2023
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		140.695.772.695	138.562.400.048
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(69.780.769.575)	(59.979.793.131)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(54.454.894.617)	(45.854.292.533)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.132.166.257)	(1.216.472.779)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.089.797.715	16.136.458.571
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.783.952.328)	(47.724.201.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(366.212.367)	(75.900.836)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.252.469.453)	(2.118.585.266)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		567.474.622	187.406.628
Lưu chuyển tiền thuần từ hđ đầu tư	30		(1.684.994.831)	(1.931.178.638)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.051.207.198)	(2.007.079.474)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		63.154.243.991	65.160.935.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	388.060
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		61.103.036.793	63.154.243.991

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025


Nguyễn Kim Phúc
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Sáng
Kế toán trưởng


Vũ Thị Hương Giang
Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Thảo Cẩm Viên Sài Gòn là đơn vị được thành lập ngày 31/12/1997 với tên cũ là **Thảo Cẩm Viên Sài Gòn** theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000223. Ngày 30 tháng 09 năm 2010, Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4276/QĐ-UBND về việc thành lập **Công ty TNHH MTV Thảo Cẩm Viên Sài Gòn**, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300426374, cấp đăng ký lần đầu ngày 04/12/2010. Cấp đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/03/2024.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên

Chủ Sở hữu: Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

- Vốn điều lệ: 617.116.976.729 VND

Trụ sở đặt tại: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của công ty là dịch vụ chăm sóc thú và hoa viên, bán vé, nước giải khát, ăn uống, cung cấp cây kiểng, giữ xe.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên bình quân năm 2023 là 252 người, năm 2024 là: 252 người

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng thành viên đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Phần mềm máy tính	03 - 08

b. TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình gồm: Chương trình phần mềm.

5. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

5.1 Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản. - Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm, dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

5.2 Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng,
- Khi lập báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp đã góp của chủ sở hữu

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

a. Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã được giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây: - Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;

- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	31/12/2024	01/01/2024
1. Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng		
Tiền mặt tại quỹ	2.461.145.166	3.884.059.410
- Tiền mặt tại quỹ VNĐ	2.461.145.166	3.884.059.410
Tiền gửi ngân hàng	58.640.868.950	59.270.184.581
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	58.640.868.950	59.269.161.904
- Kho Bạc Nhà Nước TP. HCM	592.500.000	592.500.000
- NH TMCP Ngoại thương - Vietcombank	1.463.834.493	58.448.624.320
- NH TMCP Ngoại thương - Vietcombank - 1048890619	814.495.516	-
- NH TMCP Ngoại thương - Vietcombank - 1048890697	48.864.642	-
- NH TMCP Ngoại thương - Vietcombank - 1048890769	11.163.664	-
- NH TMCP Ngoại thương - Vietcombank - 1048890875	220.454.824	-
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV - CN Quận 7-8600373868	39.427.824.660	-
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	40.102.062	-
- NH TMCP Đại Chúng Việt Nam - PVcombank	14.258.003.047	-
- NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN-CN. Miền đông	1.715.461.453	192.351.211
- NH TMCP Công Thương VN-CN. TP. HCM	48.164.589	35.686.373
Tiền Ngoại tệ (USD)	-	1.022.677
NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN-CN.Miền Đông	-	1.022.677
Tổng cộng	61.102.014.116	63.154.243.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	31/12/2024	01/01/2024
2. Phải thu khách hàng		
<i>a. Ngắn hạn</i>		
- Công ty CP Vườn Thú Mỹ Quỳnh	65.600.000	198.400.000
- Câu Lạc Bộ Cưỡi Ngựa Nghệ Thuật Saigon Pony Club	190.800.000	76.140.000
- Công ty TNHH Hoàng Lam	-	69.469.385
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) Công ty TNHH MTV	-	56.916.000
- Công ty TNHH MTV DV Xây dựng Thịnh Thái	1.012.352.484	-
- Công ty TNHH KD Dụng cụ NPAC (*)	30.772.500	30.772.500
- Các khách hàng khác	89.390.149	73.578.519
Tổng cộng	1.388.915.133	505.276.404

(*) Là khoản phải thu khách hàng là Công ty TNHH KD Dụng cụ NPAC, số tiền 30.772.500 đồng phát sinh từ nhiều năm trước, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa thu được tiền, đồng thời cũng không ký giấy xác nhận công nợ.

	31/12/2024	01/01/2024
3. Trả trước cho người bán		
- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng - huyện Củ Chi	14.354.280.052	6.673.053.636
- Các nhà cung cấp khác	683.322.729	1.510.087.476
Tổng cộng	15.037.602.781	8.183.141.112

4. Các khoản phải thu khác	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Tạm ứng	52.470.000	-	93.153.321	-
- Phải thu khác (*)	1.306.358.904	-	1.173.941.941	-
Tổng cộng	1.358.828.904	-	1.267.095.262	-

(*) Chi tiết khoản phải thu khác gồm:	31/12/2024	01/01/2024
+ Ông Nguyễn Văn Bảy	50.000.000	50.000.000
+ Quỹ phúc lợi đã chi từ các năm trước (bên Nợ tk 353)	1.255.336.227	1.119.616.227
+ Khoản khác	1.022.677	4.325.714
Cộng	1.306.358.904	1.173.941.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Hàng tồn kho	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	748.751.908	-	915.747.826	-
- Công cụ dụng cụ	27.931.854	-	21.353.328	-
- Thành phẩm	485.643.374	-	-	-
- Hàng hóa	1.087.980.694	-	874.444.919	-
Tổng cộng	2.350.307.830	-	1.811.546.073	-

6. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:				
- Dự án Sài Gòn Safari Củ Chi	731.769.947.935	-	684.289.929.059	-
- Công trình khác	3.309.263.373	-	3.309.263.373	-
Tổng cộng	735.079.211.308	-	687.599.192.432	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Chủng Trại	Công trình sự nghiệp	Thú nuôi (*)	Cây xanh	Tổng cộng
Nguyên Giá								
Số dư đầu năm	29.858.829.565	37.756.455.796	7.428.590.911	27.429.696.896	825.131.735	31.494.326.865	481.958.160	135.274.989.928
- Mua trong năm	50.067.500	169.250.909	1.063.822.525	920.018.519	-	-	-	2.203.159.453
- Tăng khác (Thủ sinh sản, được cho, tặng)	-	-	-	-	-	639.713.839	-	639.713.839
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	(1.009.777.899)	(6.557.017)	(1.016.334.916)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	29.908.897.065	37.925.706.705	8.492.413.436	28.349.715.415	825.131.735	31.124.262.805	475.401.143	137.101.528.304
Khấu hao lũy kế								
Số dư đầu năm	29.858.829.565	31.505.679.030	7.183.634.392	27.429.696.896	825.131.735	-	-	96.802.971.618
- Khấu hao trong năm	105.562.113	2.677.638.220	170.443.186	-	-	-	-	2.953.643.519
Số dư cuối năm	29.964.391.678	34.183.317.250	7.354.077.578	27.429.696.896	825.131.735	-	-	99.756.615.137
Giá trị còn lại								
- Số dư đầu năm	-	6.250.776.766	244.956.519	-	-	31.494.326.865	481.958.160	38.472.018.310
- Số dư cuối năm	(55.494.613)	3.742.389.455	1.138.335.858	920.018.519	-	31.124.262.805	475.401.143	37.344.913.167

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn được sử dụng:

Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Chủng Trại	Công trình sự nghiệp	Thú nuôi	Cây xanh	Tổng cộng
29.858.829.565	23.407.530.520	6.505.930.305	27.429.696.896	825.131.735	-	-	88.027.119.021
29.858.829.565	25.911.749.568	7.161.257.578	27.429.696.896	825.131.735	-	-	91.186.665.342

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Chi phí trả trước	31/12/2024	Tăng	Giảm	01/01/2024
a. Ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ và chi phí phân bổ	681.522.806	1.283.076.220	601.553.414	-
Tổng cộng	681.522.806	1.283.076.220	601.553.414	-
b. Dài hạn				
- Công cụ, dụng cụ và chi phí phân bổ	9.303.851.249	10.095.972.764	2.695.901.932	1.903.780.417
Tổng cộng	9.303.851.249	10.095.972.764	2.695.901.932	1.903.780.417
9. Phải trả người bán				
	31/12/2024		01/01/2024	
a. Ngắn hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH MTV XD Lũng Lô	712.936.000	712.936.000	712.936.000	712.936.000
- Công ty cổ phần Bò Công Anh Việt Nam	-	-	550.123.097	550.123.097
- Cửa hàng vật tư nông nghiệp phong phú	-	-	309.182.500	309.182.500
- Công ty TNHH XD Kiến trúc Trí	3.667.542.106	3.667.542.106	-	-
- CN Công ty TNHH MTV Quản lý Nhà TP HCM - Xí nghiệp Thiết kế nội thất	434.482.000	434.482.000	-	-
- Công ty TNHH Minh Tùng	211.240.741	211.240.741	-	-
- Công ty TNHH DV TM SX Minh Khang (TP)	212.028.643	212.028.643	-	-
- Các đối tượng khác	1.228.365.421	1.228.365.421	848.622.444	848.622.444
Cộng	6.466.594.911	6.466.594.911	2.420.864.041	2.420.864.041
	31/12/2024		01/01/2024	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Người mua trả tiền trước	31/12/2024	01/01/2024
* Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	1.036.597.012	1.036.597.012
- Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh	1.036.597.012	1.036.597.012
* Người mua trả tiền trước khác	1.935.546	178.004.500
Tổng cộng	1.038.532.558	1.214.601.512

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	31/12/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2024
- Thuế GTGT	209.410.615	9.605.170.918	9.813.665.701	417.905.398
- Thuế GTGT đã khấu trừ trong năm	-	3.217.270.120	3.217.270.120	-
- Thuế TNDN	331.605.114	1.267.674.610	2.132.166.257	1.196.096.761
- Thuế TNCN	(49.852.700)	250.873.571	300.726.271	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.312.786.089	8.312.786.089	-
- Các loại thuế khác	34.279.666	237.717.553	252.837.887	49.400.000
Tổng cộng	525.442.695	22.891.492.861	24.029.452.325	1.663.402.159

Số thuế phải nộp của Công ty chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:

	31/12/2024	01/01/2024
Thuế TNCN	49.852.700	-
Cộng	49.852.700	-

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2024	01/01/2024
Thuế GTGT	209.410.615	417.905.398
Thuế TNDN	331.605.114	1.196.096.761
Các loại thuế khác	34.279.666	49.400.000
Cộng	575.295.395	1.663.402.159

12. Phải trả người lao động

	31/12/2024	01/01/2024
- Tiền lương công nhân viên	11.523.422.988	13.583.708.984
- Tiền lương viên chức quản lý	1.330.225.223	1.434.887.013
Tổng cộng	12.853.648.211	15.018.595.997

Công ty tạm trích quỹ tiền lương năm 2024 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ. Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về quỹ tiền lương thực hiện năm 2024.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
13. Phải trả khác		
- Kinh phí công đoàn	1.788.253	11.616.521
- Bảo hiểm xã hội	194.131.390	248.482.167
- Bảo hiểm y tế	6.574.674	5.342.780
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.687.263	5.777.205
- Nhận ký quỹ, ký cược	233.000.000	353.000.000
- Phải trả khác	238.227.947	119.927.480
Tổng cộng	<u><u>681.409.527</u></u>	<u><u>744.146.153</u></u>
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	<u>Năm 2024</u>	
Số đầu năm	<u>403.275.706</u>	
Trích lập trong năm	196.032.156	
Hoàn nhập trong năm	-	
Số dư cuối năm	<u><u>599.307.862</u></u>	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn kinh phí	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2023	75.914.984.886	820.834.471	673.682.679.560	(579.023.192)	4.261.863	749.843.737.588
Tăng trong năm trước	3.639.549.235	-	19.502.739.384	-	-	23.142.288.619
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.449.644.088	-	8.449.644.088
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(4.261.863)	(4.261.863)
Tại ngày 01/01/2024	79.554.534.121	820.834.471	693.185.418.944	7.870.620.896	0	781.431.408.432
Tăng trong năm nay	639.713.839	-	58.247.785.129	-	-	58.887.498.968
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.070.698.437	-	5.070.698.437
Giảm trong năm nay	-	(820.834.471)	(3.086.539.837)	-	-	(3.907.374.308)
Tại ngày 31/12/2024	80.194.247.960	0	748.346.664.236	12.941.319.333	0	841.482.231.529

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Tỷ lệ	31/12/2024	01/01/2024
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu			
- Vốn góp của Nhà nước (Ủy ban Nhân dân TP HCM)	100%	80.194.247.960	79.554.534.121
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
Vốn góp đầu năm		79.554.534.121	75.914.984.886
Vốn góp tăng trong năm		639.713.839	3.639.549.235
Vốn góp giảm trong năm		-	-
Vốn góp cuối năm		80.194.247.960	79.554.534.121
Cổ tức lợi nhuận đã chia		-	-
d. Các quỹ của doanh nghiệp		Năm 2024	Năm 2023
- Quỹ đầu tư phát triển			
Số dư đầu năm		820.834.471	820.834.471
Tăng trong năm		-	-
Giảm trong năm		820.834.471	-
+ Nộp về ngân sách phần chênh lệch vốn chủ sở hữu theo QĐ 200/UBND, ngày 16/01/2024		820.834.471	-
Số dư cuối năm		-	820.834.471
16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán			
a. Tiền gửi tại kho bạc			
- Tiền VND		21.241.537.633	24.497.092.384
b. Tài sản nhận được cho, biếu, tặng:		Tại ngày 31/12/2024	
		Số lượng (con)	Giá trị
- Tài sản cố định			
Các con thú được cứu hộ (cá thể các loại)		106	
Các con thú thu nhận từ nhiều nguồn (cá thể các loại)		153	



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.984.176.799	137.005.384.484
- Doanh thu bán hàng	127.984.176.799	137.005.384.484
02. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hàng bán	97.387.691.390	102.870.760.655
Tổng cộng	97.387.691.390	102.870.760.655
03. Doanh thu hoạt động tài chính	31/12/2024	01/01/2024
- Lãi tiền gửi	567.474.622	187.406.628
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại gốc ngoại tệ	-	388.060
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (**)	839.369.734	2.619.050.503
Tổng cộng	1.406.844.356	2.806.845.191
<p>(**) Số tiền 839.369.734 đồng là số tiền Công ty được chia sẻ doanh thu được hưởng hợp tác về bán quà lưu niệm và đồ chơi ký gửi. Công ty ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo hướng dẫn của Công văn số 6551/UBND-KT ngày 29/12/2023 của Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh.</p>		
04. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31/12/2024	01/01/2024
- Chi phí nhân viên quản lý	8.412.619.165	8.064.142.523
- Chi phí đồ dùng văn phòng	325.053.807	560.668.397
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.965.847	23.528.085
- Chi phí dự phòng	30.772.500	-
- Thuế, phí và lệ phí	8.312.786.089	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.514.148.448	4.503.691.008
- Chi phí bằng tiền khác	3.050.904.675	8.577.149.468
Tổng cộng	24.778.250.531	21.729.179.481
05. Thu nhập khác	31/12/2024	01/01/2024
- Thu nhập từ tiền tài trợ	80.936.364	223.582.352
- Nộp lại tiền cho thuê đất và tiền phạt vi phạm hành chính về chưa đủ điều kiện cho thuê (QĐ 37/QĐ-XPHC, ngày 30/3/2023)	-	(1.854.545.000)
- Thu nhập khác	58.217.126	5.393.758
Tổng cộng	139.153.490	(1.625.568.890)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	31/12/2024	01/01/2024
06. Chi phí khác		
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	20.735.926
- Chi phí bồi thường	-	1.124.489.400
- Chi phí ghi giảm giá trị những con thú bị chết	1.016.334.916	-
- Chi phí khác	9.524.761	1.793.469.947
Tổng cộng	1.025.859.677	2.938.695.273
07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	23.105.132.314	25.481.037.855
- Chi phí nhân công;	50.663.315.054	52.969.131.299
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;	2.953.643.514	4.979.003.153
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	6.489.831.267	12.845.262.251
- Chi phí khác bằng tiền.	33.436.429.804	22.039.809.846
Tổng cộng	116.648.351.953	118.314.244.404
08. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.338.373.047	10.648.025.376
- Cộng các khoản chi phí điều chỉnh tính thuế	-	343.881.065
- Thu nhập tính thuế	6.338.373.047	10.991.906.441
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.267.674.610	2.198.381.288



VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Ngày 04/10/2021, Chi cục Thuế Quận 1 gửi Thông báo số 48030/TB-CCTQ1 xác định số tiền thuê đất hàng năm của Công ty tại địa chỉ số 02 đường Nguyễn Bình Khiêm là 163.392.099.354 đồng/năm (thu 100% diện tích đất) (đơn giá thuê đất: 1.033.362 đồng/m², diện tích phải nộp tiền thuê: 158.117 m²).

Ngày 13/6/2022, Chi cục Thuế Quận 1 ra Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 457029/TB-CCT cho 2 năm 2021, 2022 với số tiền là 355.926.626.869 đồng (trong đó tiền thuê mặt đất hàng năm là 339.318.387.152 đồng, tiền chậm nộp là 16.608.239.717 đồng).

Ngày 15/12/2023, Chi cục Thuế Quận 1 tiếp tục ra Thông báo số 332661/TB-CCT-KĐT xác định số tiền thuê đất phải nộp đến ngày 30/11/2023 cho diện tích đất tại địa chỉ số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là 693.633.599.438 đồng (trong đó tiền thuê mặt đất hàng năm là 645.519.130.784 đồng, tiền chậm nộp là 48.114.468.654 đồng).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (tiếp theo)

Ngày 17/11/2023 cơ quan thuế đã có Quyết định số 38906/QĐ-CCCT-CC, Quyết định số 38907/QĐ-CCCT-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, yêu cầu phong tỏa của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng.

Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV Thảo Cẩm Viên Sài Gòn đã gửi văn bản số 378/TCV ngày 28/11/2022, văn bản số 67/TCV ngày 27/02/2023, văn bản số 363/TCV ngày 08/06/2023, văn bản số 912/TCV ngày 13/12/2023 báo cáo tình hình khó khăn và xin đề xuất, kiến nghị các phương án xác định diện tích đất nộp tiền thuê đất hàng năm. Theo đó, Công ty xin đề xuất chọn phương án xác định số tiền thuê đất phải nộp hàng năm căn cứ trên diện tích đất thực tế Thảo Cẩm Viên Sài Gòn sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ và đúng cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 6190/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Thảo Cẩm Viên Sài Gòn, Phường Bến Nghé, Quận 1.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024, Công ty đang ghi nhận số tiền thuê đất còn phải nộp là 0 đồng (Không đồng). Ban Giám đốc Công ty cho rằng khoản tiền thuê đất phải nộp với số tiền là 693.633.599.438 đồng (căn cứ Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 332661/TB-CCCT-KĐT ngày 15/12/2023 Chi cục Thuế Quận 1) chưa đủ cơ sở để ghi nhận là khoản nợ phải trả mà chỉ xem xét như một khoản nợ tiềm tàng trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2024.

Cho đến hiện nay, Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố đang thẩm định đơn giá thuê để có cơ sở ký hợp đồng thuê đất. Trên cơ sở hợp đồng thuê đất, Công ty sẽ thực hiện nghĩa vụ đóng tiền thuê đất hàng năm đúng theo quy định.

2. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM	Đơn vị chủ quản

Trong năm 2024, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên có liên quan.

Số dư khoản phải trả của bên có liên quan như sau:


Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2024	01/01/2024
Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM	Kinh phí hoạt động	1.036.597.012	1.036.597.012

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu năm 2024 số liệu Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ và Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Ngày 23 tháng 01 năm 2025


Nguyễn Kim Phúc
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Sáng
Kế toán trưởng



Vũ Thị Hương Giang
Giám đốc